

Số: 96/2022/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Thư ký phiên họp: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 299/2022/TB-TA ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con*”, theo quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 311/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị **Đinh Thị T**, sinh ngày 15/8/1996.

ĐKHKTT: Thôn K, xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn K2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Anh **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1994.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn K, xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Người được anh Phạm Ngọc D ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng: Chị **Phạm Thị M**, sinh năm 2001. ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Anh D, chị T có đơn và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; Bản tự khai; Giấy ủy quyền; Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/7/2017. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, do không có việc làm nên anh về nước và đến năm 2019 anh tiếp tục sang Đài Loan làm ăn. Thời gian ở Nhật Bản anh D thường xuyên liên lạc về cho chị nhưng từ khi đi Đài Loan anh rất ít liên lạc. Mâu thuẫn phát sinh chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, kinh tế độc lập không có sự thống nhất, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và trở nên bế tắc không thể hàn gắn được, tháng 7/2021 mẹ con chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ khi anh D đi Đài Loan cho đến nay. Nay anh D, chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Ngọc Linh C, sinh ngày 03/6/2018, hiện đang ở với chị T. Anh, chị thống nhất giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc D hiện đang sinh sống tại Hàn Quốc nên anh ủy quyền cho chị Phạm Thị M thay anh giao, nhận các tài liệu tại Tòa án. Chị Mai nhất trí nhận ủy quyền của anh D. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị Mai đã thông báo cho anh D biết, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Do điều kiện nên anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa án được anh, chị đều có đơn và có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T. Giao con chung Phạm Ngọc Linh C, sinh ngày 03/6/2018 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, quan điểm của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh D hiện đang lao động tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn K, xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương; chị T hiện đang cư trú tại thôn K2, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết, anh D, chị T đều có đơn và có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh D không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đã được Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà anh D gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của anh D.

Do các bên đương sự đều đề nghị xin được vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/7/2017 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì anh D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau đó tiếp tục sang Đài Loan làm ăn cho đến nay chưa về nước. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, kinh tế không thống nhất. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bế tắc và không thể hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh D và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D và chị T.

[2.2] Về con chung: Anh D, chị T thống nhất giao con chung là Phạm Ngọc Linh C, sinh ngày 03/6/2018 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chị T tự nguyện không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình và không trái đạo đức xã hội, nên cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh D, chị T cùng xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T tự nguyện chịu cả lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 149, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Ngọc D và chị Đinh Thị T, giao con chung Phạm Ngọc Linh C, sinh ngày 03/6/2018 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về lệ phí: Chị Đinh Thị T tự nguyện chịu cả 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001721 ngày 21/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Phạm Thị M nộp thay). Chị T đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã K1, huyện G, tỉnh Hải Dương.
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Nguyễn Xuân Trường